TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 19-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Ngọc và bà Nguyễn Thị Lựu.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) V; địa chỉ: Phường H, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L, chức vụ: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ Pháp lý; người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Vương Văn T, chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Nguyễn Hữu L, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Đào Đức Quang T, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (theo các văn bản uỷ quyền số: 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020, số: 1619/2022/UQ-VPB ngày 26/7/2022, số: 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023 và số: 394/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 23/11/2023, ông Nguyễn Hữu L có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu dân cư L1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Nguyễn Tiến Q đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2008182683651, hạn mức cho vay: 542.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng); Khế ước nhận nợ: 542.000.000 đồng được ký cùng ngày; thời hạn cho vay 12 tháng, tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn bán chất đốt (than); lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 13,3%/năm, cố định 01 tháng kể từ ngày giải ngân; hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/9/2020, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (niêm yết tại website của Ngân hàng) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 5,1%/năm. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay này, anh Nguyễn Tiến Q đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 338, tờ bản đồ 17, địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 324485, số vào sổ cấp GCN: CH01278 do UBND huyện Kim Thành cấp ngày 03/6/2020 mang tên anh Nguyễn Tiến Q tại Hợp đồng thế chấp số LN2008182683651 ký ngày 21/8/2020, số công chứng: 2003, quyển số 05-2020 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng Thành Đông. Có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 21/8/2020.

Theo Đề nghị giải ngân ngày 21/8/2020 của anh Q, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Nguyễn Tiến Q số tiền 542.000.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nguyễn Minh H số tài khoản 1012685440 tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hải Dương.

Tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử số 282-P-0825220 ngày 17/8/2020, phát hành thẻ tín dụng NO1; hạn mức tín dụng đề nghị: 9.000.000 đồng; thời hạn hạn mức tín dụng, lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng; mục đích cấp tín dụng: Phục vụ nhu cầu đời sống của khách hàng. Ngày 14/10/2020, anh Nguyễn Tiến Q đã sử

dụng hạn mức tín dụng trên để chi tiêu dùng và bắt đầu phát sinh khoản nợ theo thẻ tín dụng này.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên, ngày 16/02/2021 anh Nguyễn Tiến Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên ngày 17/02/2021, khoản vay tại hợp đồng tín dụng chuyển sang nợ quá hạn. Từ ngày 17/02/2021, Ngân hàng đã gửi nhiều thông báo, giấy mời cho anh Q nhưng anh không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 19/9/2024, anh Nguyễn Tiến Q mới nộp được số tiền gốc là 240.558 đồng vào tài khoản thẻ tín dụng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 28.030.989 đồng; tổng cộng là 28.271.547 đồng.

Tính đến ngày 19/9/2024, tổng dư nợ của các khoản vay cụ thể như sau: Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2008182683651 ngày 21/8/2020 có tổng dư nợ là 940.662.324 đồng, trong đó: Nợ gốc 542.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.568.291 đồng, nợ lãi quá hạn: 388.375.668 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 2.718.364 đồng.

Dư nợ Thẻ tín dụng tính đến ngày 19/9/2024, tổng dư nợ là 48.376.347 đồng, trong đó: Nợ gốc 8.759.442 đồng, nợ lãi 39.616.905 đồng.

Tổng cộng: 989.038.670 đồng (chín trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bẩy mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc là 550.759.442 đồng (năm trăm năm mươi triệu bẩy trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) và nợ lãi là 438.279.228 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm bẩy mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

Nay, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Tiến Q phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ tạm tính đến ngày 19/9/2024 như trên là: 989.038.670 đồng (chín trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bẩy mươi đồng). Và phải thanh toán trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành phát mại tài sản bảo đảm đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Tiến Q phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn Tiến Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng triệu tập anh đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do.

Xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường M, thị xã Kinh Môn xác định: Anh Nguyễn Tiến Q cư trú tại khu dân cư L1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; hiện không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng anh Q có về nhưng chỉ

về chốc lát rồi lại đi; nhà đất hiện tại của anh Q đang ở đóng cửa, không có ai ở đó.

Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Hải Dương xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Tiến Q.

Xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã T1, huyện Kim Thành xác định: Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thôn B, xã T1, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 324485, số vào sổ cấp GCN: CH 01278 do UBND huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp ngày 03/6/2020 mang tên anh Nguyễn Tiến Q; có diện tích 191m^2; nguồn gốc sử dụng là ông Nguyễn Tiến Đích chuyển nhượng lại cho anh Nguyễn Tiến Q vào ngày 03/6/2020. Thửa đất tiếp giáp với thửa 312 của gia đình bà Nguyễn Thị T, thửa số 615 nhà ông Nguyễn Văn B và thửa số 196 nhà ông Nguyễn Văn Đ. Hiện thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Theo các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ: Thửa đất nêu trên đã xây dựng một số công trình gắn liền với đất gồm có nhà cấp 4, mái Proximang + tôn, diện tích 37,4m^2, nền lát gạch và một số công trình khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323, 463, 466, khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Nguyễn Tiến Q và phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 19/9/2024 là 989.038.670 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 550.759.442 đồng và nợ lãi là 438.279.228 đồng; và phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp bị đơn không trả được đầy đủ dư nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Tiến Q có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho Ngân hàng. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại Ngân hàng số tiền 15.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngân hàng TMCP V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Nguyễn Tiến Q; địa chỉ: Khu dân cư L1, phường M, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án dân sự dân sự là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập cho đương sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2008182683651 và Khế ước nhận nợ cùng ngày 21/8/2020 giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Tiến Q được lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử của anh Nguyễn Tiến Q đề ngày 17/8/2020 (Thẻ tín dụng số: 282-P-0825220 ngày 14/10/2020) được lập bằng văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên, đã được Ngân hàng chấp thuận; nội dung của các Hợp đồng phù hợp với các quy định của Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó có căn cứ xác định giữa hai bên đã ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, theo đúng trình tự thủ tục quy định nên các hợp đồng nêu trên là hợp pháp.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân các khoản vay; anh Nguyễn Tiến Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo khoản 8 Điều 2 tại hợp đồng cho vay hạn mức, khoản 6 Điều 1 Khế ước nhận nợ; Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên, từ ngày 17/02/2021, khoản vay tại hợp đồng cho vay hạn mức chuyển sang nợ quá hạn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Về lãi suất: Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2008182683651 và Khế ước nhận nợ ngày 21/8/2020 có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn: 13,3%/năm; lãi suất này cố định trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày giải ngân; sau đó, lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần; ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/9/2020, mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố (niêm yết tại website của Ngân hàng) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 5,1%/năm; lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn. Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế số: 282-P-0825220 ngày 14/10/2020 phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử, phát hành thẻ tín dụng NO1, lãi suất thẻ tín dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân: Lãi suất theo quy định của Ngân hàng. Hợp đồng tín dụng quy định lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn phù hợp với khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8, Điều 10 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, các Hợp đồng tín dụng này có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất. Lãi phạt chậm trả áp dụng đối với tiền lãi trong hạn là phù hợp với Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nêu trên.

[5] Đến nay (ngày 19/9/2024), anh Nguyễn Tiến Q đã thanh toán được 240.558 đồng tiền gốc vào tài khoản thẻ tín dụng và đã thanh toán được tổng số tiền lãi là 28.030.989 đồng; tổng cộng là 28.271.547 đồng. Anh Q còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2008182683651 ngày 21/8/2020 tổng dư nợ là 940.662.324 đồng, trong đó: Nợ gốc 542.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.568.291 đồng, nợ lãi quá hạn: 388.375.668 đồng; nợ lãi chậm trả lãi trong hạn: 2.718.364 đồng; tổng dư nợ Thẻ tín dụng là 48.376.347 đồng, trong đó: Nợ gốc 8.759.442 đồng, nợ lãi 39.616.905 đồng. Tổng cộng số tiền còn nợ Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng là 989.038.670 đồng (chín trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc là 550.759.442 đồng (năm trăm năm mươi triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) và nợ lãi là 438.279.228 đồng

(bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm bẩy mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng) cần buộc anh Nguyễn Tiến Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với các hợp đồng tín dụng này là phù hợp với các điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LN2008182683651 ký ngày 21/8/2020 giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Tiến Q được lập bằng văn bản có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương ngày 21/8/2020 nên hợp đồng thế chấp này đảm bảo tính pháp lý, do đó HĐXX cần chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với các điều 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và tự nguyện chịu cả chi phí tố tụng này nên không đặt ra xử lý.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và cần trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 292, 293, 298, 299, 307, 317, 318, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Tiến Q phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2024 là: 989.038.670 đồng (chín trăm tám mươi chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bẩy mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc là 550.759.442 đồng (năm trăm năm mươi triệu bẩy trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) và nợ lãi là 438.279.228 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu hai trăm bẩy mươi chín nghìn hai trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2024, anh Nguyễn Tiến Q tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2008182683651 và Khế ước nhận nợ ngày 21/8/2020 giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Tiến Q; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo

đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử đề ngày 17/8/2020 giữa anh Nguyễn Tiến Q và Ngân hàng cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu anh Nguyễn Tiến Q không thanh toán được đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 338, tờ bản đồ 17, địa chỉ: Thôn B, xã T1, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 324485, số vào sổ cấp GCN: CH01278 do UBND huyện Kim Thành cấp ngày 03/6/2020 mang tên anh Nguyễn Tiến Q tại Hợp đồng thế chấp số LN2008182683651 ký ngày 21/8/2020 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và anh Nguyễn Tiến Q.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Tiến Q phải tiếp tục thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Tiến Q phải chịu 41.671.000 đồng (bốn mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 15.600.000 đồng (mười năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002482 ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vương Đình Thi